

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Diễm Chi.
2. Bà Trần Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị M Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Kim Châu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn M, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn K, xã B, huyện T, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lê Thị H bày: Chị với anh Trịnh Văn M kết hôn tự nguyện vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 14/4/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc chỉ được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chính là do anh M là lái xe hay đi làm vắng nhà, khi về nghe lời người khác rồi hay ghen tuông vô cớ, chửi bới xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị và gia đình chị, còn đánh đập chị nhiều lần. Mâu thuẫn kéo dài nên tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cắt đứt quan hệ với nhau hơn một năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh Trúc L, sinh ngày 18/3/2019 hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến trưởng thành. Yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 02/2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trịnh Văn M trình bày: Anh thống nhất với chị Lê Thị H trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian chung sống với nhau. Theo anh vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng có đôi lúc xích mích dẫn đến kinh cãi; H cho rằng anh không tôn trọng chị, cãi nhau với anh rồi bỏ về nhà cha mẹ sống. Nhưng anh xét thấy vẫn còn tình cảm yêu thương vợ con nên không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị H, xin được đoàn tụ về chung sống.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung tên Trịnh Trúc L, sinh ngày 18/3/2019. Anh không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu gì về con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án cơ bản là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng các Điều 8, 9, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Trịnh Văn M; anh M không chấp nhận ly hôn là không có căn cứ nên không chấp nhận. Về con chung: Giao con chung tên Trịnh Trúc L, sinh ngày 18/3/2019 cho chị Lê Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị H, buộc anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ/ tháng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu đề nghị miễn xét. Về án phí: theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị H vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Trịnh Văn M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Trịnh Văn M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 14/4/2022 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, không tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau; anh M còn nghi ngờ chị H ngoại tình nên xảy ra kinh cãi, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn không được giải quyết nên tình cảm vợ chồng không còn, hai bên đã cắt đứt quan hệ với nhau từ đầu năm 2022 đến nay. Vợ chồng xa cách đã lâu nhưng anh M vẫn không có phương án thuyết phục chị H quay về chung sống. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H yêu cầu ly hôn với anh M là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vợ chồng xa cách đã lâu nhưng anh M vẫn bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình; chị H vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn nên việc anh M không chấp nhận ly hôn là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh M có 01 con chung tên Trịnh Trúc Ly, sinh ngày 18/3/2019 hiện đang sống cùng chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nhận nuôi con đến trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của chị H là đảm bảo điều kiện phát triển của con chung và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nghị nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 02/2023. HĐXX xét thấy mức yêu cầu này là phù hợp với thực tế (anh M là lái xe đường dài thu nhập ổn định), phù hợp với quy định tại các Điều 107 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nghị nên chấp nhận; nên buộc anh M bắt đầu thực hiện cấp dưỡng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Do đó, không chấp nhận một phần yêu cầu của chị H về thời gian bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng (tháng 02/2023).

[4] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước.

- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trịnh Văn M phải nộp 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Trịnh Văn M.

Bác yêu cầu không chấp nhận ly hôn của anh M vì không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung tên Trịnh Trúc L, sinh ngày 18/3/2019 cho chị Lê Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trịnh Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng; bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung (L) đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu - miễn xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0007674 ngày 21/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị H đã nộp đủ án phí.

- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trịnh Văn M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam